

1
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ THUỶ NGÀ

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. TRƯƠNG BÁ THANH

Phản biện 1: TS. Đoàn Thị Ngọc Trai

Phản biện 2: PGS. TS. Lê Huy Trọng

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 13 tháng 8 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại

- Trung tâm Thông tin – Học liệu. Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng. Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang trong tiến trình hội nhập với khu vực và kinh tế thế giới, nhất là khi Việt Nam đã chính thức gia nhập vào WTO thì việc nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trong doanh nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh là một yêu cầu cấp bách rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, mỗi nhà quản lý.

Tuy nhiên để công tác KTQT thật sự là một công cụ giúp cho các nhà quản lý tiếp cận và xử lý thông tin một cách nhanh chóng và chính xác thì hiện nay công tác KTQT tại các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi nói riêng vẫn chưa có nhiều cơ sở cũng như là kinh nghiệm để phục vụ cho việc điều hành hoạt động kinh doanh.

Từ yêu cầu thực tế đó, tôi đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi”*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến công tác KTQT trong doanh nghiệp du lịch.

- Phân tích thực trạng công tác KTQT và mức độ vận dụng KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi từ đó rút ra ưu, nhược điểm trong công tác KTQT tại đơn vị.

- Vận dụng lý thuyết KTQT để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ đi sâu nghiên cứu và đề cập vấn đề về KTQT chi phí của bốn loại hình kinh doanh dịch vụ tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi: kinh doanh lưu trú, kinh doanh nhà hàng, kinh doanh vận chuyển, kinh doanh lữ hành (các hoạt động kinh doanh dịch vụ đơn thuần).

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, thống kê, phỏng vấn,... Luận văn sử dụng các dữ liệu chủ yếu là dữ liệu sơ cấp tại đơn vị kết hợp với các chế độ tài chính, qui định của ngành, hệ thống các văn bản hướng dẫn về công tác Tài chính Kế toán.

5. Những đóng góp của luận văn

- Về mặt lý luận: Nghiên cứu các đặc điểm riêng của ngành Du lịch; hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của KTQT chi phí trong doanh nghiệp du lịch.

- Về mặt thực tiễn:

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi . Chỉ ra được các nguyên nhân tồn tại trong việc tổ chức công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi . Và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi . Tác giả dự kiến kết quả nghiên cứu như sau:

- Thứ nhất hoàn thiện nội dung KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

- + Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí;
- + Hoàn thiện xác định giá bán dịch vụ theo phương pháp trực tiếp;
- + Hoàn thiện công tác tính giá thành dịch vụ;
- + Hoàn thiện xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu, nhân công;
- + Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí linh hoạt và phân tích đánh giá chi phí;
- + Tổ chức sử dụng thông tin KTQT cho việc ra quyết định;

- Thứ hai, hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán có ứng dụng KTQT từ việc kết phát triển từ các hình thức quy định;

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về KTQT chi phí trong các doanh nghiệp du lịch.

Chương 2: Thực trạng KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

Chương 3: Hoàn thiện KTQT chi phí quản trị tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH

1.1. Khái niệm, bản chất của KTQT và KTQT chi phí

1.1.1. Khái niệm, bản chất của KTQT

Đến nay có rất nhiều định nghĩa về KTQT.

Theo luật Kế toán Việt Nam “KTQT là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.”(Khoản 3 điều 4)

Các định nghĩa trên tuy cách phát biểu khác nhau nhưng đều có những vấn đề chung sau:

- KTQT là một hệ thống kế toán cung cấp thông tin định lượng;

- Các nhà quản trị doanh nghiệp là những người sử dụng thông tin do KTQT cung cấp;

- Mục đích sử dụng thông tin của các nhà quản trị là hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá các hoạt động của tổ chức;

Như vậy, về bản chất KTQT là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của hệ thống kế toán nói chung và là một công cụ quan trọng không thể thiếu đối với công tác quản lý nội bộ doanh nghiệp.

1.1.2. Bản chất của KTQT chi phí

- KTQT chi phí thu thập và cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập dự toán, làm căn cứ trong việc lựa chọn các quyết định ngắn hạn và dài hạn hay các quyết định lựa chọn các phương án kinh doanh hợp lý.

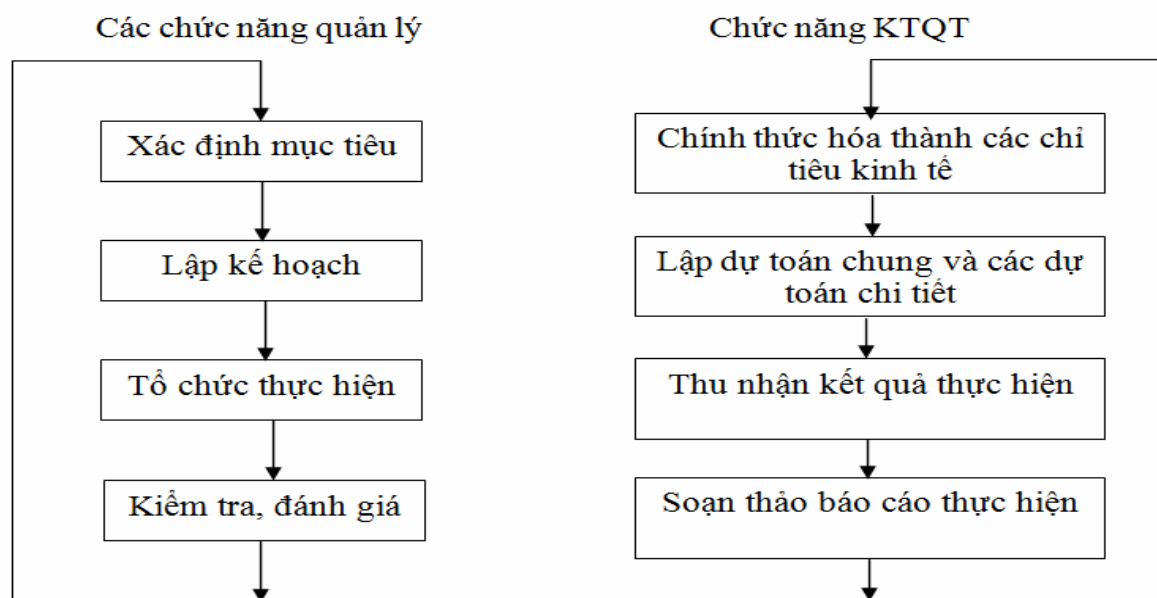
- KTQT chi phí cung cấp các thông tin về hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp và ngoài doanh nghiệp có liên quan.

- KTQT chi phí quan tâm đến các chi phí thực tế phát sinh theo loại chi phí, tổng mức chi phí và chi tiết theo từng mặt hàng.

- Khi có sự biến động chi phí, trách nhiệm giải thích về những thay đổi bất lợi thuộc bộ phận nào KTQT chi phí phải theo dõi và báo cáo rõ ràng phục vụ cho quá trình kiểm soát, điều chỉnh của nhà quản lý.

1.1.3. Mối quan hệ giữa KTQT chi phí với chức năng quản trị

Chức năng của KTQT dựa trên chức năng quản trị được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa chức năng KTQT với chức năng quản trị

1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh du lịch

1.2.1. Du lịch và đặc điểm của sản phẩm du lịch

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyên đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.

Sản phẩm dịch vụ du lịch là sự kết hợp các dịch vụ và các phương tiện vật chất trên cơ sở khai thác các tiềm năng du lịch nhằm cung cấp cho du khách một thời gian thú vị, một kinh nghiệm du lịch trọn vẹn và hài lòng.

Các nhà quản trị cần nắm bắt đặc điểm sản phẩm du lịch để có thể tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của du khách và đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ chi phí.

1.2.2. Phân loại hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch

Để đáp ứng yêu cầu của công tác tổ chức KTQT thì ta có thể chia hoạt động dịch vụ du lịch thành năm hoạt động đặc trưng sau đây:

- *Kinh doanh lữ hành*
- *Kinh doanh lưu trú* (Kinh doanh khách sạn)
- *Kinh doanh nhà hàng*
- *Kinh doanh vận chuyển du lịch*
- *Kinh doanh dịch vụ du lịch khác*

1.3. Nhận diện và phân loại chi phí trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch

Chi phí là tổng giá trị các khoản giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh. Vậy, về mặt định tính thì chi phí là khoản giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp; về mặt định lượng chi phí là tổng mức giá trị các khoản giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp được lượng hóa.

Các cách phân loại chi phí trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch:

1.3.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Theo chức năng hoạt động chi phí được phân thành: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

- Chi phí sản xuất là những phí tổn về vật chất, lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất.

- Chi phí ngoài sản xuất: là những chi phí phát sinh ngoài sản xuất

1.3.2. Phân loại chi phí theo nội dung và tính chất của chi phí

Theo tiêu thức này chi phí của doanh nghiệp tồn tại dưới các dạng sau:

Chi phí nguyên vật liệu; chi phí nhân công; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

1.3.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động (cách ứng xử của chi phí)

Theo cách phân loại này chi phí được chia thành: chi phí cố định (định phí), chi phí biến đổi (biến phí) và chi phí hỗn hợp.

- Chi phí biến đổi (biến phí): là những chi phí thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động.

- Chi phí cố định (định phí): là những khoản chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp.

- Chi phí hỗn hợp: là những khoản chi phí mà bao gồm cả biến phí và định phí. Vì vậy, để có thể kiểm soát và điều tiết chi phí hỗn hợp nhà quản trị cần phải tách được chi phí này thành định phí và biến phí.

1.3.4. Phân loại chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ

- Chi phí sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Chi phí thời kỳ: bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.5. Phân loại chi phí khác phục vụ cho việc kiểm tra và ra quyết định

- Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.
- Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp
- Chi phí lặn (chi phí chìm) và chi phí chênh lệch
- Chi phí cơ hội

1.4. Nội dung KTQT chi phí trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch

1.4.1. Lập dự toán chi phí

Dự toán là những tính toán dự kiến một cách toàn diện và phối hợp, làm căn cứ để huy động kinh doanh của DN, được xác định bằng một hệ thống các chỉ tiêu về số lượng và giá trị cho một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

- ***Đối với hoạt động kinh doanh lữ hành:*** Dự toán chi phí chính là xác định các chi phí để thực hiện một chương trình du lịch hay một tour du lịch cụ thể căn cứ vào lộ trình, thời gian, địa điểm tham quan, số lượng du khách và các dịch vụ cung cấp cho khách trong chương trình.

- ***Đối với hoạt động kinh doanh lưu trú:*** Căn cứ vào mức độ tiện nghi và các dịch vụ cung cấp cho từng phòng để lập dự toán chi phí cho số phòng có khả năng tiêu thụ.

- ***Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống:*** Dự toán được lập căn cứ vào số lượng suất ăn dự kiến tiêu thụ và chi phí để sản xuất một suất ăn chuẩn.

- ***Đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển du lịch:*** Dự toán chi phí được xây dựng dựa trên kế hoạch số km vận chuyển hay khối lượng vận chuyển dự kiến thực hiện trong kì và các định mức chi phí đã được xây dựng cho một km vận chuyển hay một đơn vị vận chuyển chuẩn.

Tuy nhiên khi chi phí được phân loại theo cách ứng xử thì sẽ được dự toán như sau:

+ Đối với biến phí: căn cứ vào khối lượng sản phẩm dịch vụ tiêu thụ và đơn giá biến phí của 1 đơn vị sản phẩm dịch vụ tiêu thụ hoặc căn cứ vào doanh thu dịch vụ tiêu thụ và tỷ suất biến phí bán hàng theo doanh thu

Tổng biến phí BH = Số lượng dịch vụ tiêu thụ \times Đơn giá BP của dịch vụ tiêu thụ

Hoặc Tổng biến phí BH = Doanh thu BH \times Tỷ suất biến phí BH.

+ Đối với định phí: căn cứ vào số thực tế kỳ trước và những thay đổi định phí dự kiến trong kỳ tới.

1.4.2. Xác định giá thành và định giá bán sản phẩm dịch vụ trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch

1.4.2.1. Xác định giá thành sản phẩm dịch vụ

* ***Tính giá thành theo phương pháp toàn bộ***: Giá thành của một sản phẩm dịch vụ là toàn bộ chi phí để sản xuất một sản phẩm dịch vụ, bao gồm cả ba khoản mục: CP NVLTT, CP NCTT, CPSXC.

Tùy theo đặc điểm sản xuất, đặc điểm sản phẩm của đơn vị mà có thể chọn một trong các phương pháp tính giá thành sản phẩm sau: phương pháp giản đơn, hệ số, tỷ lệ, phân bước,....

* ***Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp***: bao gồm các chi phí sản xuất biến đổi là chi phí NVLTT, CP NCTT và chi phí SXC biến đổi.

1.4.2.2. Phương pháp xác định giá bán

+ Định giá bán theo phương pháp tính giá thành toàn bộ:

$$\text{CP nền} = \text{CP NVLTT} + \text{CP NCTT} + \text{CP SXC}$$

$$\text{Giá bán} = \text{CP nền} + \text{CP phụ trội}$$

$$\text{CP phụ trội} = \text{CP nền} (1 + \text{Tỷ lệ CP phụ trội})$$

$$\text{Tỷ lệ CP phụ trội} = \frac{\text{Mức hoàn vốn mong muốn} + \text{chi phí BH\&QLDN}}{\text{Số lượng dịch vụ} \times \text{Giá thành đơn vị dịch vụ}}$$

+ Định giá bán theo phương pháp tính giá thành trực tiếp:

$$\text{CP nền} = \text{Biến phí SX} + \text{Biến Phí BH\&QLDN}$$

$$\text{Giá bán} = \text{CP nền} + \text{CP phụ trội}$$

$$\text{CP phụ trội} = \text{CP nền} (1 + \text{Tỷ lệ CP phụ trội})$$

$$\text{Tỷ lệ CP phụ trội} = \frac{\text{Mức hoàn vốn mong muốn} + \text{Định phí}}{\text{Số lượng dịch vụ} \times \text{Biến phí đơn vị}}$$

Với Mức hoàn vốn mong muốn = Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư \times Tổng vốn đầu tư.

1.4.3. Kiểm soát chi phí

1.4.3.1. Xây dựng định mức chi phí

Chi phí định mức là chi phí dự tính cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ. Là thước đo trong hệ thống dự toán của doanh nghiệp, là cơ sở cho việc lập dự toán chi phí của doanh nghiệp và cũng giúp cho quá trình thực hiện kế toán trách nhiệm.

Các phương pháp sử dụng để xây dựng định mức chi phí: phân tích dữ liệu lịch sử, phương pháp thống kê, kỹ thuật, hay kết hợp các phương pháp trên. Để xây dựng định mức chi phí thì KTQT cần xây dựng riêng định mức về lượng và định mức về giá.

*** Định mức về lượng:**

- *Đối với chi phí NVLTT*: Định mức về lượng vật liệu bao gồm lượng vật liệu trực tiếp để sản xuất cho một sản phẩm dịch vụ trong điều kiện lý tưởng cộng với lượng vật liệu tính cho sản phẩm hỏng.

- *Đối với chi phí NCTT*: Định mức về lượng bao gồm lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm dịch vụ, thời gian nghỉ ngơi, thời gian dành cho nhu cầu cá nhân và thời gian lau chùi máy, ngừng việc.

*** Định mức về giá:**

- *Đối với chi phí NVLTT*: Định mức về giá vật liệu bao gồm giá mua vật liệu cộng với chi phí thu mua.

- *Đối với chi phí NCTT*: Định mức về giá giờ công bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

* *Đối với định mức biến phí sản xuất chung*: tùy thuộc vào việc lựa chọn tiêu thức phân bổ biến phí sản xuất chung.

Tuy nhiên trong điều kiện môi trường được gọi là “biến động không ngừng” như hiện nay, việc điều chỉnh định mức sẽ diễn ra liên tục. Thực tế này dẫn đến sự xem xét lại thường xuyên định mức chi phí đặc biệt là về định mức giá.

1.4.3.2. Phân tích chi phí

Để kiểm soát chi phí thì cần dựa trên chi phí dự toán, chi phí thực tế phát sinh và thông qua việc phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của chi phí thực tế so với chi phí dự toán theo trình tự sau:

- + Xác định chỉ tiêu phân tích
- + Xác định đối tượng phân tích
- + Xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố
- + Xác định nguyên nhân, xu hướng và giải pháp

1.4.4. Phân tích thông tin KTQT phục vụ cho việc ra quyết định

1.4.4.1. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận

1.4.4.2. Phân tích thông tin thích hợp để ra các quyết định kinh doanh

a. Thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp

Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định phải đạt hai yêu cầu sau:

- Thông tin đó phải liên quan đến tương lai.
- Thông tin đó phải có sự khác biệt giữa các phương án đang xem xét và lựa chọn.

Những thông tin không đạt một trong hai yêu cầu trên hoặc không đạt cả hai yêu cầu trên được gọi là những thông tin không thích hợp cho quá trình ra quyết định.

b, Sự cần thiết và tiêu chuẩn lựa chọn thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn

c, Các bước phân tích thông tin thích hợp

1.5. Tổ chức bộ máy KTQT trong doanh nghiệp

Hiện nay có nhiều quan điểm khi xây dựng tổ chức bộ máy KTQT, nhưng có thể tổ chức theo một trong các hình thức sau:

a, Hình thức kết hợp: Tổ chức kết hợp giữa kế toán tài chính với KTQT theo từng phần hành kế toán

b, Hình thức tách biệt: Tổ chức thành một bộ phận KTQT riêng biệt với bộ phận kế toán tài chính trong phòng kế toán của doanh nghiệp

c, Hình thức hỗn hợp: Là hình thức kết hợp hai hình thức nêu trên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về KTQT chi phí trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, nghiên cứu bản chất, nội dung KTQT chi phí: lập kế hoạch, dự toán chi phí, tính giá thành, định giá bán và kiểm soát chi phí,... Đây là những cơ sở để phân tích thực trạng công tác tổ chức KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

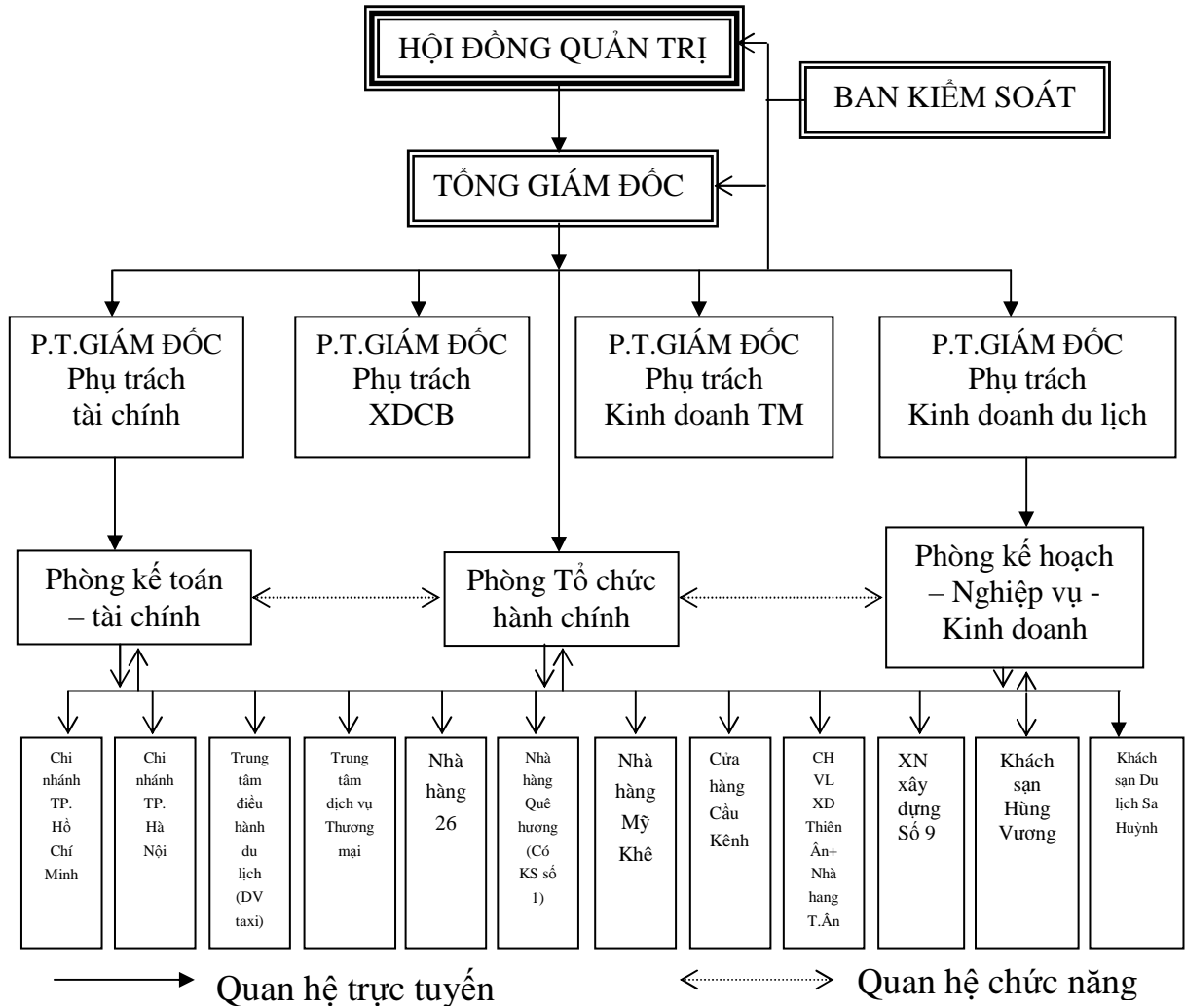
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh, chức năng nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

* Đặc điểm hoạt động kinh doanh

* Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

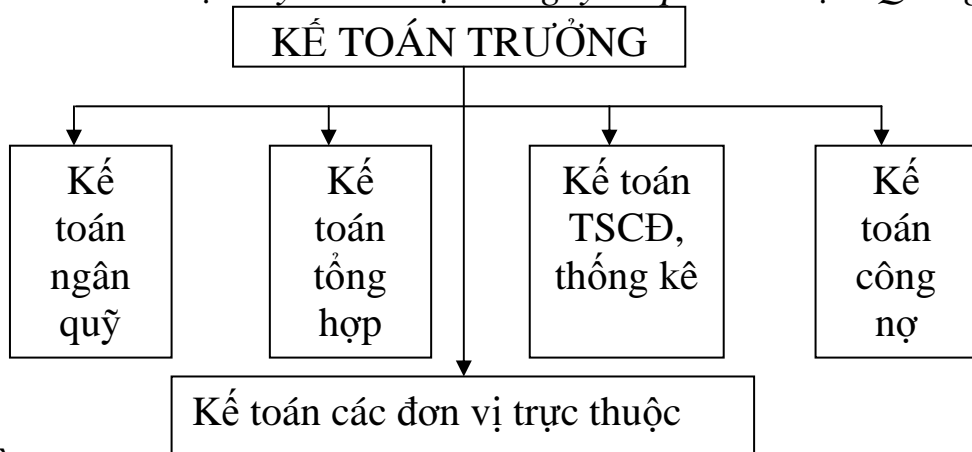
Bộ máy quản lý tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi



Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi đang áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, kết hợp các công cụ phần mềm máy tính ứng dụng và phần mềm kế toán do Trung tâm phát triển tin học công nghệ phần mềm Ánh Mai cung cấp.

2.2. Nhận diện và phân loại chi phí tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

Chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi được phân loại theo các tiêu thức sau:

- *Phân loại theo nội dung kinh tế của chi phí (Bảng 2.1)*

- *Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động của chi phí*

Tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, chỉ theo dõi chi tiết cho các chi phí sau: chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. (**Bảng 2.2**)

Ngoài ra tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, chi phí còn được chi tiết theo hai hình thức: Chi phí của các đơn vị hạch toán báo sổ và chi phí của các đơn vị khoán gọn. (**Bảng 2.5**)

2.3. Thực trạng KTQT chi phí tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

2.3.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

Công tác lập kế hoạch của Công ty Cổ phần Du lịch được thực hiện hàng năm, chi tiết cho từng loại hình kinh doanh của từng đơn vị hạch toán báo sổ và các đơn vị khoán gọn.

Nói chung là công tác lập kế hoạch tại Công ty Cổ phần Du lịch chỉ chú trọng vào chỉ tiêu về doanh thu, giá vốn, chi phí dựa trên tỷ lệ hoàn thành hay không hoàn thành về các chỉ tiêu để đưa ra số kế hoạch chứ không phải dựa vào việc phân tích điểm hòa vốn, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, nên có thể dẫn đến là chưa sát với thực tế tình hình hoạt động của đơn vị, dẫn đến khó xác định nguyên nhân chủ yếu khi không hoàn thành kế hoạch đề ra.

2.3.2. *Thực trạng công tác tính giá thành và định giá bán dịch vụ du lịch ở công ty CP du lịch Quảng Ngãi*

2.3.2.1. *Công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm dịch vụ- không thực hiện*

2.3.2.2. *Công tác định giá bán dịch vụ của Công ty Cổ phần Du lịch*

Công tác định giá bán cho từng lĩnh vực kinh doanh tại từng đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Du lịch cũng không được quan tâm, chủ yếu dựa trên thông tin giá cả thị trường (chủ yếu là tham khảo giá của đối thủ trên địa bàn) để đưa ra giá bán cho đơn vị.

Đối với dịch vụ taxi, đây là dịch vụ mới được đưa vào hoạt động gần 4 năm nay, việc đưa ra giá bán dịch vụ nhà quản lý cũng chỉ dựa trên những chi phí bỏ ra đầu tư cho dịch vụ như khấu hao xe, từng loại xe, lương cho tài xế, xăng dầu,...và thông tin giá cả của đối thủ cạnh tranh trên địa bàn Quảng Ngãi là dịch vụ Taxi Mai Linh để đưa ra giá bán dịch vụ của mình.

Bảng 2.10. Bảng định giá bán dịch vụ taxi loại xe 4 chỗ- tính cho 1km

Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1. Chi phí NVLTT	1.500
2. Chi phí nhân viên lái xe	1.018
3. Khấu hao xe	2.273
4. Chi phí vật tư, phụ tùng thay thế	18
5. Các chi phí khác	406
6. Chi phí BH&QLDN	980
7. Chi phí lãi vay	182
8. Tổng chi phí	6.377
9. Lợi nhuận mong muốn (15% doanh thu)	1.125
10. Giá bán chưa thuế	7.502
11. Giá bán có thuế(VAT 5%)	7.877

Giá mở cửa	10.000đ/km
Đến km thứ 31	11.000đ/km
Trên 31 km	8.000đ/km

2.3.3. Thực trạng kiểm soát chi phí

Đối với định mức chi phí thì tại công ty thì chưa có hệ thống định mức chi phí cho từng loại chi phí của từng dịch vụ du lịch. Nhưng đối với dịch vụ vận chuyên thì do mới đưa vào hoạt động nên công ty có xây dựng định mức lượng tiêu hao xăng cho mỗi loại xe và dựa trên số km thực tế chạy của xe và đơn giá xăng thực tế để tính ra chi phí xăng trong kỳ.

Về công tác phân tích đánh giá chi phí thì tại công ty cũng như các đơn vị trực thuộc đã có sự so sánh tỷ lệ giữa chi phí phát sinh thực tế với chi phí kế hoạch (**Phụ lục 2.3**)

2.3.4. Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo phục vụ cho KTQT chi phí tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

2.3.4.1. Về hệ thống chứng từ kế toán

Đối với lĩnh vực kinh doanh ăn uống thì phần lớn công ty chỉ mới sử dụng chứng từ thống kê để ghi chép khối lượng vật tư, nguyên liệu,... cũng như thời gian lao động thì hầu hết các đơn vị trực thuộc cũng như Công ty Cổ phần Du lịch sử dụng bảng chấm công, phiếu làm thêm giờ,....

2.3.4.2. Về hệ thống sổ sách kế toán

Để phục vụ cho công tác KTQT chi phí tại đơn vị thì kế toán chỉ dựa vào các hệ thống sổ chi tiết, tổng hợp các chi phí liên quan của kế toán là chính.

2.3.4.3. Về hệ thống báo cáo KTQT

Báo cáo KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi chỉ mang tính chung chung và được thực hiện và cuối năm. Trong báo cáo thì phần các chi phí cũng chỉ được tổng hợp dựa trên các số liệu ở các tài khoản chi phí tại công ty đã được quy định, có sự so sánh với kế hoạch đề ra.

2.4. Đánh giá thực trạng KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

2.4.1. Về phân loại chi phí

Tại Công ty Cổ phần Du lịch ở Quảng Ngãi do chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại chi phí nên chưa quan tâm đến việc xem xét chi phí được hình thành như thế nào, ở đâu, chi phí như thế nào thì có hiệu quả nhất.

2.4.2. Về chi tiết chi phí

Tại mỗi đơn vị trực thuộc thì chi phí được chi tiết chủ yếu là theo nội dung chi phí, và tùy theo yêu cầu hạch toán tại mỗi đơn vị mà các tài khoản chi phí được chi tiết đến cấp 2, 3.

2.4.3. Về tổ chức thu nhập thông tin liên quan đến tương lai

Việc thu nhập thông tin trong tương lai nên các phương án kinh doanh mà các nhà quản trị đưa ra hầu như không có cơ sở vững chắc.

2.4.4. Công tác lập kế hoạch, dự toán chi phí, giá thành và định giá bán dịch vụ

Công tác lập kế hoạch về giá thành và công tác định giá bán cho mỗi loại hình kinh doanh thì không được quan tâm. Còn công tác lập kế hoạch chi phí thì mang tính tổng hợp, mặc dù được lập riêng cho từng đơn vị trực thuộc, tuy nhiên còn mang tính chung chung, chưa có sự phân tích, phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí. Công ty chưa thực hiện lập dự toán chi tiết hay tổng quát cho chi phí, doanh thu mà chỉ dựa trên kinh nghiệm quản lý để đưa ra kế hoạch cho cả năm.

2.4.5. Về tổ chức phân tích thông tin để ra các quyết định kinh doanh ngắn hạn

Tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi chỉ tiến hành phân tích thông tin trên các báo cáo tài chính mà không thực hiện phân tích điểm hòa vốn, phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, ứng dụng thông tin

thích hợp cho việc quyết định sản xuất kinh doanh ngắn hạn, gây ra tình trạng thụ động trong hoạt động kinh doanh.

2.4.6. Công tác lập báo cáo

Đa số các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Du lịch chỉ lập báo cáo tài chính để thực hiện phân tích định kỳ và phục vụ cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp mà không lập các báo cáo quản trị.

2.4.7. Tổ chức bộ máy để thu thập thông tin

2.4.7.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi được xây dựng theo mô hình hỗn hợp kế toán tài chính và KTQT, chưa có bộ phận KTQT riêng biệt. Việc vận dụng KTQT còn tự phát, thiếu đồng bộ chưa thống nhất. Công tác KTQT chỉ mới dừng ở việc kế toán chi tiết để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, và lập một vài báo cáo đơn giản chưa có tính thông tin, linh hoạt.

2.4.7.2. Mối liên hệ thông tin cung cấp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp

Hệ thống thông tin tại công ty chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin hiện tại.

2.5. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

2.5.1. Các nguyên nhân khách quan

- Mặc dù đã cổ phần hóa nhưng công tác kế toán vẫn khá đơn giản nên yêu cầu thực hiện KTQT chỉ ở mức đơn giản nhất.

- Sự hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong công ty trong quá trình thực hiện công tác kế toán nói chung và KTQT nói riêng.

- Tuy đã có Luật kế toán quy định là kế toán trong các đơn vị bao gồm kế toán tài chính và KTQT, nhưng Bộ tài chính thì chỉ mới ban hành thông tư số 53/2006 ngày 12/6/2006 hướng dẫn áp dụng KTQT trong doanh nghiệp. Trong thông tư này chủ yếu là giới thiệu thuật ngữ và một số nội dung tổng quát thuộc KTQT mà chưa có sự hướng dẫn cụ thể.

Mặt khác là quan điểm về KTQT chi phí còn khá nhiều và nhiều định hướng khác nhau.

2.5.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trình độ nhận thức về khái niệm KTQT của các nhà quản lý tại Công ty Cổ phần Du lịch vẫn còn hạn chế.

- Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các nhà quản trị với các nhân viên kế toán.

- Chưa dành kinh phí đầu tư cho công tác KTQT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này qua tìm hiểu thực tế tại đơn vị này, tác giả đã khái quát được tình hình tổ chức, đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như tình hình thực hiện KTQT chi phí tại đơn vị. Công tác KTQT chi phí được thể hiện qua việc phân loại chi phí, lập kế hoạch chi phí, tính giá thành, định giá bán dịch vụ và kiểm soát chi phí tại đơn vị. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đánh giá ưu điểm và những mặt còn tồn tại trong công tác KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, điều này làm cơ sở để đưa ra các giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí tại đơn vị trong chương 3.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện KTQT chi phí tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện KTQT chi phí trong công ty CP du lịch Quảng Ngãi

3.1.2. Yêu cầu chủ yếu của việc hoàn thiện KTQT chi phí tại công ty CP du lịch Quảng Ngãi

3.2. Hoàn thiện công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi

3.2.1. Nhận diện và phân tích chi phí dịch vụ du lịch

Để phục vụ cho chức năng quản lý ra quyết định, kiểm tra, kiểm soát chi phí một cách hiệu quả thì ngoài các cách phân loại chi phí như trên tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi thì nên phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.

Bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch

Bảng 3.1. Bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí

Loại hình DV	Nội dung chi phí	Biến phí	Định phí	Hỗn hợp
Kinh doanh phòng ngủ, nhà hàng	Chi phí nguyên vật liệu	X		
	Chi phí lương	X		
	BHXH, BHYT, BHTN		X	
	Kinh phí công đoàn	X		
	Chi phí lương thuê ngoài	X		
	Chi phí mua CCDC + bao bì		X	
	Chi phí thay thế PT, SC nhỏ		X	
	Chi phí nhiên liệu chạy máy phát điện		X	
	Chi phí bảo hiểm khách	X		
	Chi phí điện nước, điện thoại			X
	Chi phí truyền hình cáp, internet		X	
	Chi phí tiếp khách		X	
	Chi phí hội nghị khách hàng		X	
	Chi phí trang phục		X	
	Chi phí văn phòng phẩm		X	
	Chi phí đặt báo		X	
	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi		X	
	Chi phí công tác phí		X	
Chi phí đào tạo, tham quan, học tập		X		

	Chi phí phân bổ CCDC		X	
	Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
	Chi phí lãi vay		X	
	Chi phí thuê đất		X	
	Chi phí môn bài		X	
	Chi phí bảo hiểm cháy nổ rủi ro		X	
	Chi phí khác		X	
Kinh doanh lũ hành, vận chuyển	Chi phí tiền lương	X		
	BHXH, BHYT, BHTN		X	
	KPCĐ	X		
	Chi phí xăng dầu	X		
	Chi phí điện		X	
	Chi phí điện thoại			X
	Chi phí văn phòng phẩm		X	
	Chi phí trả lãi vay			
	Chi phí bảo hiểm khách	X		
	Chi phí thuê nhà		X	
	Chi phí đặt báo, quảng cáo, tiếp thị			
	Chi phí văn phòng phẩm		X	
	Chi phí trang phục		X	
	Chi phí khác		X	
Chi phí khấu hao TSCĐ		X		

Từ đó để có thể nhận diện và phân tích chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch được hoàn thiện, chính xác hơn thì ngay từ khâu ghi nhận chi phí cần có sự tách biệt rõ, để làm điều đó cần tổ chức lại chi tiết tài khoản liên quan đến chi phí như sau:

Dựa trên cơ sở tài khoản chi phí theo hệ thống tài khoản đã ban hành của Bộ, ta điều chỉnh, bổ sung những chi tiết ứng với các tài khoản chi phí cụ thể sau:

Bảng 3.3. Bảng chi tiết tài khoản chi phí

Tài khoản	Chi tiết tài khoản
TK621,622, 627,641,642	<p>+ Số thứ tự thứ nhất thể hiện chi phí theo địa điểm phát sinh: chi phí phát sinh tại Khách sạn Hùng Vương, chi phí phát sinh tại Nhà hàng 26, tại Trung tâm điều hành du lịch,...</p> <p>+ Số thứ tự thứ hai thể hiện chi tiết chi phí theo cách ứng xử của chi phí: biến phí, định phí, hỗn hợp.</p> <p>+ Số thứ tự thứ ba thể hiện chi phí chìm, chi phí chênh lệch, chi phí cơ hội.</p> <p>+ Số thứ tự thứ tư thể hiện chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được.</p> <p>Còn ở đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập thì từ TK chi tiết tương ứng mà chi tiết thêm ra cho từng dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm.</p>
TK635	Chi phí này phát sinh chủ yếu là chi phí lãi vay, tuy nhiên cần chi tiết thêm cấp nữa để phân loại: chi phí tài chính, chi phí lãi vay.

3.2.2. Hoàn thiện công tác tính giá thành và định giá bán dịch vụ theo phương pháp trực tiếp

3.2.2.1. Hoàn thiện công tác tính giá thành dịch vụ du lịch

Trên cơ sở xác định đối tượng tập hợp chi phí (**Bảng 3.4**) đó, hoàn thiện công tác tính giá thành cho từng dịch vụ theo phương pháp gián đơn.

* *Tổ chức tài khoản chi tiết chi phí dở dang theo trình tự sau:* Nơi phát sinh- Theo loại dịch vụ- Chi tiết dịch vụ- Cách ứng xử của chi phí.

3.2.2.2. Xác định giá bán theo phương pháp trực tiếp

Sau khi tách định phí, biến phí cho từng lĩnh vực kinh doanh thì xác định giá bán theo phương pháp trực tiếp với chi phí nền là toàn bộ biến phí phát sinh.

3.2.3. Hoàn thiện công tác xây dựng định mức chi phí phát sinh

Cơ sở của việc xây dựng định mức một vài chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, luận văn đã sử dụng một vài phương pháp và kỹ thuật sau:

- + Tổng hợp toàn bộ tài liệu liên quan trong 2 năm gần đây (2008-2009).
- + Tính toán các dữ liệu về lượng và giá của một vài chi phí liên quan.
- + Phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng, giám đốc công ty về kinh nghiệm quản lý.
- + Phỏng vấn trực tiếp các phòng ban, bộ phận hay các nhân viên trực tiếp phục vụ cho từng dịch vụ.
- + Kết hợp với giá cả thị trường.

Tuy nhiên đối với đơn giá thì do sự biến động giá cả hiện nay khá lớn, do đó, đối với đơn giá thì mỗi năm nên thay đổi định mức với tỷ lệ điều chỉnh tương ứng.

Đối với từng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch mà ta có thể xây dựng các định mức chi phí sau:

a, Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu ngủ, món ăn, tour du lịch

- Đối với kinh doanh phòng ngủ, ta có thể xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu dùng cho một phòng trong ngày. (**Bảng 3.8**)

- Đối với hàng ăn uống, ta có thể xây dựng định mức cho từng món ăn, thức uống. (**Bảng 3.9**)

- Đối với dịch vụ lữ hành, ta xây dựng định mức chi phí cho từng tour cụ thể. (**Bảng 3.10**)

b, Xây dựng định mức chi phí nhân công

Đối với chi phí này thì tác giả xây dựng định mức đơn giá giờ công cho bộ phận làm thêm giờ và bộ phận thuê ngoài

3.2.4. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí

a, Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

b, Dự toán chi phí lương (Dự toán chi phí lương thuê ngoài.)

c, Dự toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cho phương tiện của dịch vụ vận chuyển và chi phí bảo hiểm khách của các dịch vụ.

d, Dự toán chi phí theo mô hình ứng xử chi phí (**Phụ lục 3.5**)

e, Dự toán linh hoạt (**Bảng 3.20**)

3.2.5. Hoàn thiện công tác phân tích chi phí và thông tin thích hợp để ra quyết định

Đối với chi phí phát sinh ta cần phân tích các nội dung sau:

- Phân tích sự biến động và cơ cấu của chi phí theo các cách phân loại của chi phí (**Phụ lục 3.6**)

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của các chi phí (**Phụ lục 3.7**)

- Phân tích hiệu quả của chi phí (**Phụ lục 3.8**)

3.2.5.1. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

Công ty quyết định sẽ tăng giá cho thuê phòng tại Khách sạn Hùng Vương với điều kiện có thể đảm bảo thu nhập bình quân tháng không thay đổi, lượng phòng tiêu thụ bình quân tháng không đổi nhưng biến phí, định phí tăng lên thì cần tăng giá bán dịch vụ này lên bao nhiêu đồng.

3.2.5.2. Phân tích thông tin thích hợp để ra quyết định ngắn hạn

Công ty phải quyết định nên chọn mua loại sản phẩm nào khi quyết định đầu tư vào các thiết bị điện lạnh?

3.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán có ứng dụng KTQT ở công ty CP du lịch Quảng Ngãi

3.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

3.3.1.1. Xây dựng bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hình thức có bộ phận KTQT riêng biệt

Nên áp dụng hình thức kế toán tài chính kết hợp với KTQT ở các đơn vị trực thuộc của công ty, còn tại công ty thì nên có bộ phận KTQT riêng biệt.

(Sơ đồ 3.1. Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi)

3.3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

3.3.2. Tổ chức thu thập thông tin

3.3.2.1. Tổ chức thu thập thông tin thực hiện

3.3.2.2. Mối liên hệ thông tin giữa KTQT, KTTC và các phòng ban khác

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí dựa trên nền tảng lý luận và thực tế. Các giải pháp này tập trung vào vấn đề tổ chức theo dõi, phân loại chi phí, lập dự toán chi phí nguyên vật liệu, nhân công, đưa ra các định mức chi phí liên quan, lập báo cáo KTQT chi phí, phân tích biến động chi phí,... Ngoài ra tác giả còn hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy KTQT tại đơn vị.

KẾT LUẬN

KTQT được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong điều kiện nền kinh tế thị trường có cạnh tranh, bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Với Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, việc ứng dụng KTQT chi phí trong hoạt động quản lý còn là vấn đề mới mẻ, chưa được triển khai một cách đồng bộ và khoa học, ở một mức độ nhất định các đơn vị đã vận dụng một số nội dung trong công tác lập dự toán, tính giá và kiểm soát chi phí nhưng chưa khai thác và phát huy hết ưu thế của loại công cụ quản lý khoa học này. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, vận dụng vào điều kiện thực tế của Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi, luận văn nêu lên những ứng dụng cơ bản của KTQT chi phí tại Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi như: Phân loại chi phí theo yêu cầu quản trị, xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu, nhân công, bảo dưỡng, sửa chữa xe,..., lập dự toán chi phí, xác định giá bán theo phương pháp trực tiếp, phân tích chi phí, báo cáo KTQT,... nhằm kịp thời xử lý và cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của các nhà quản trị, hỗ trợ việc nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tại đơn vị.